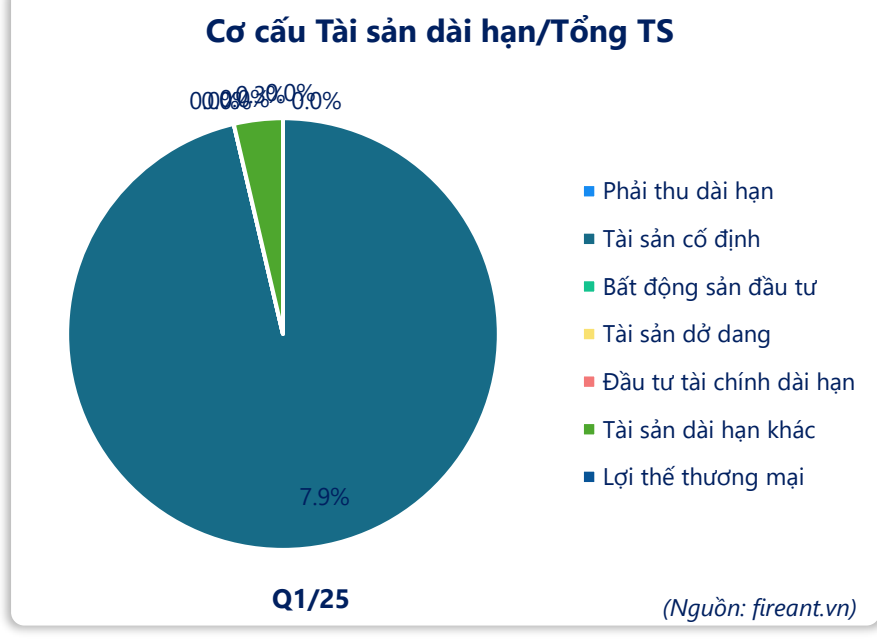
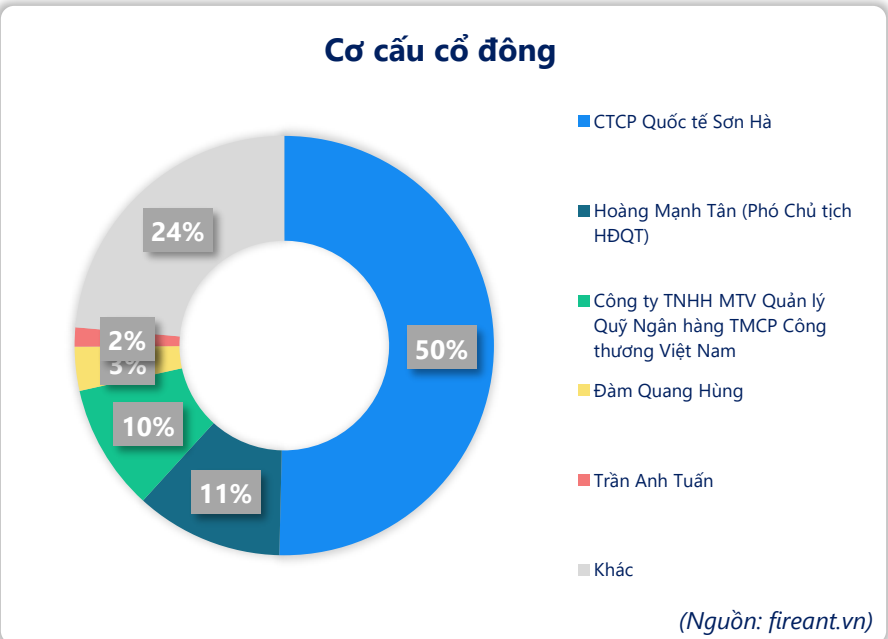
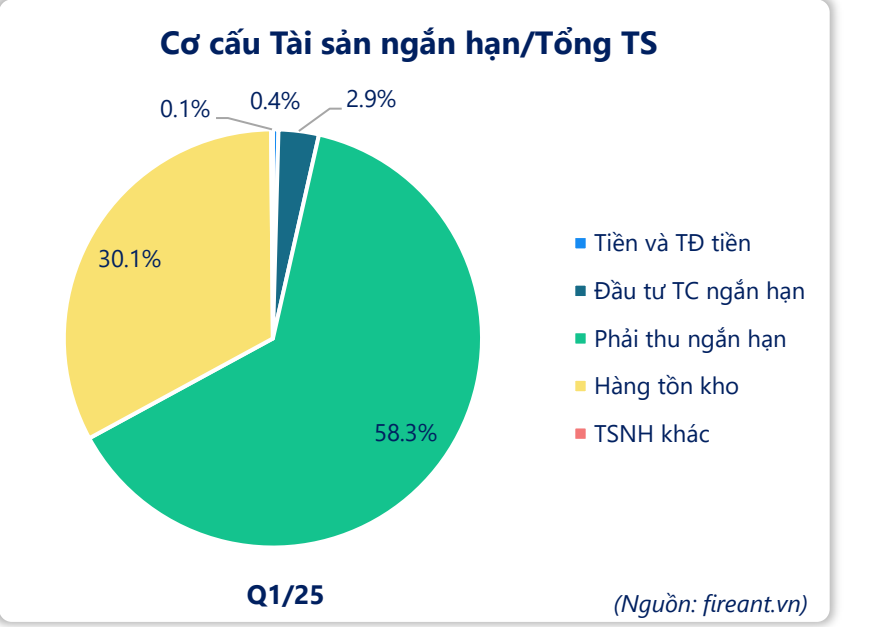
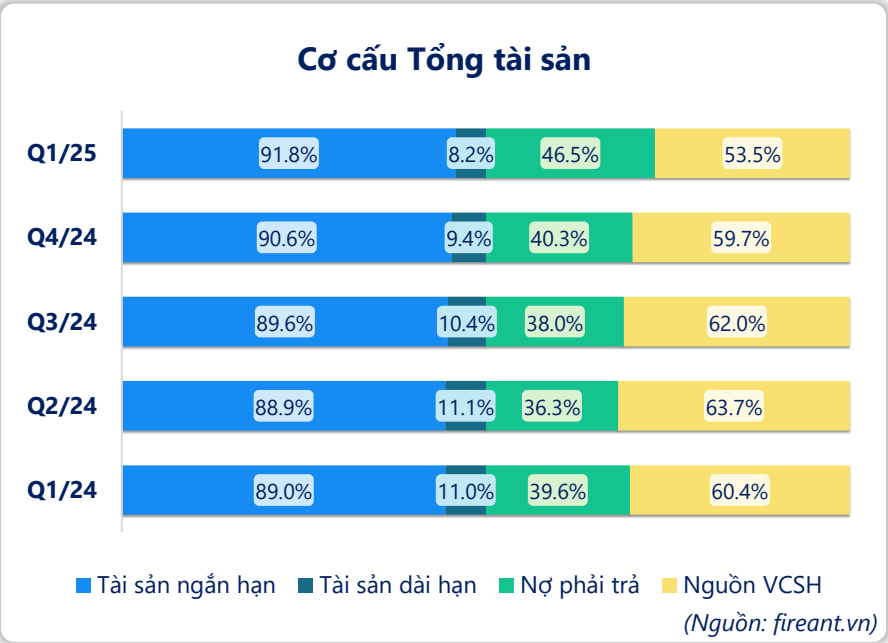
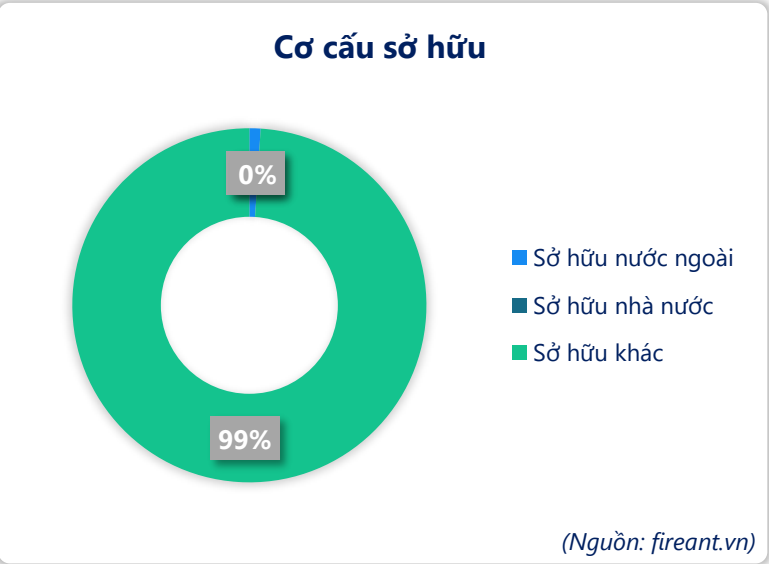
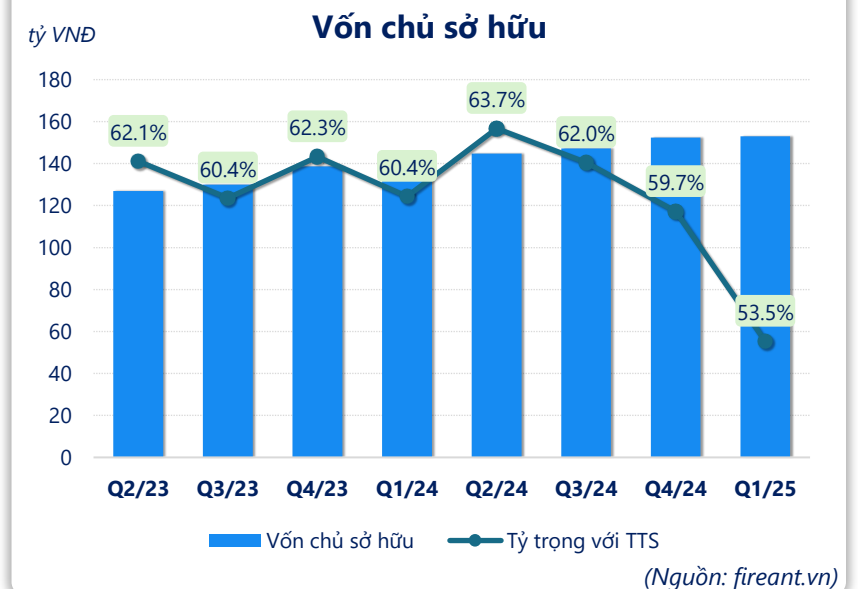
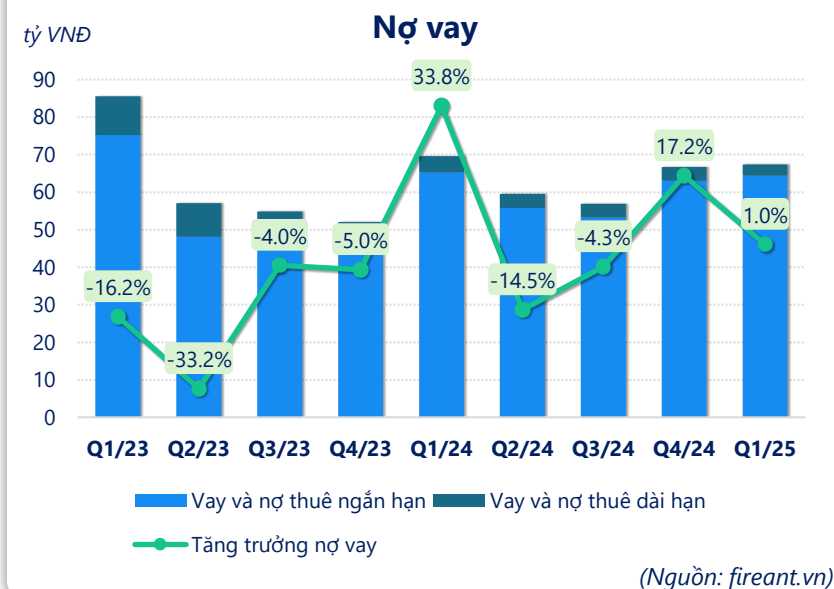
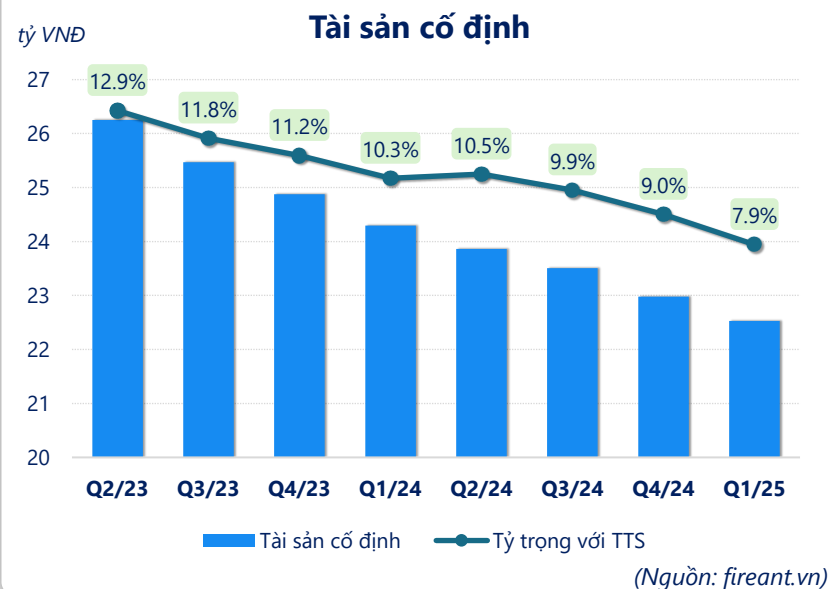
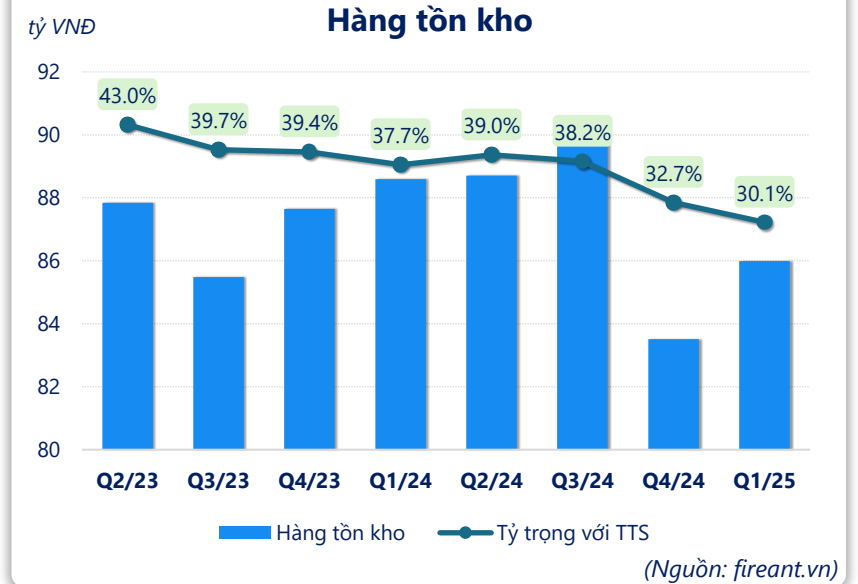
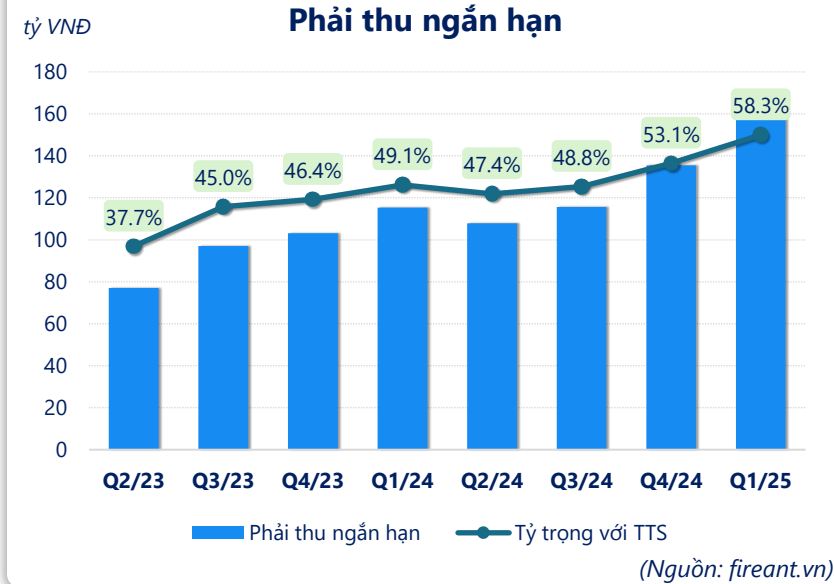
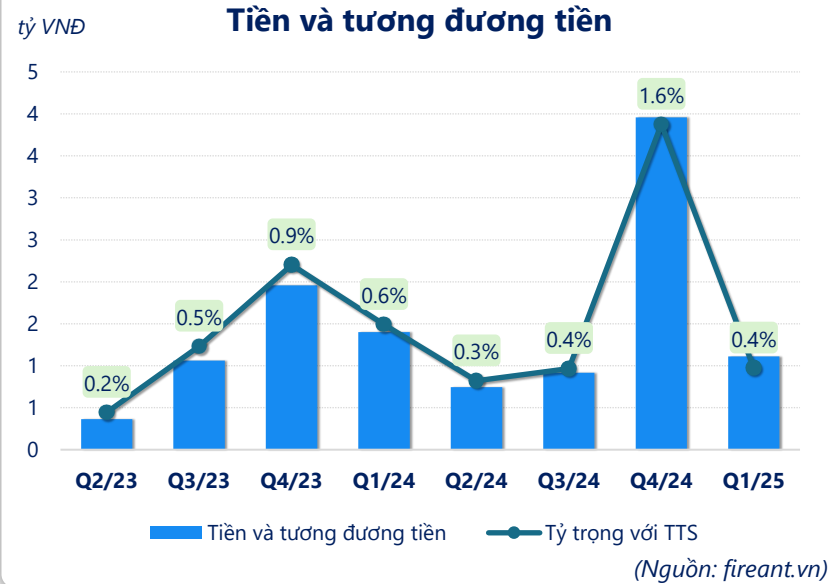
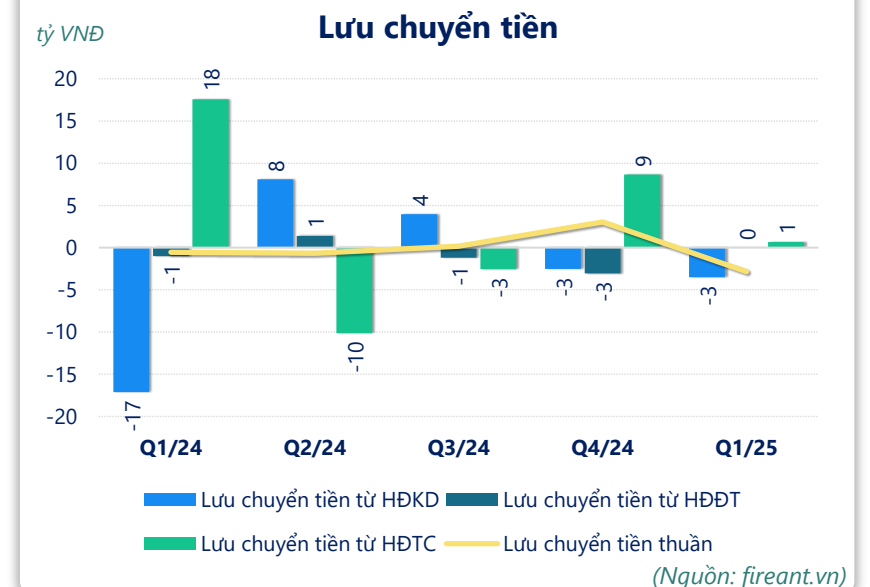
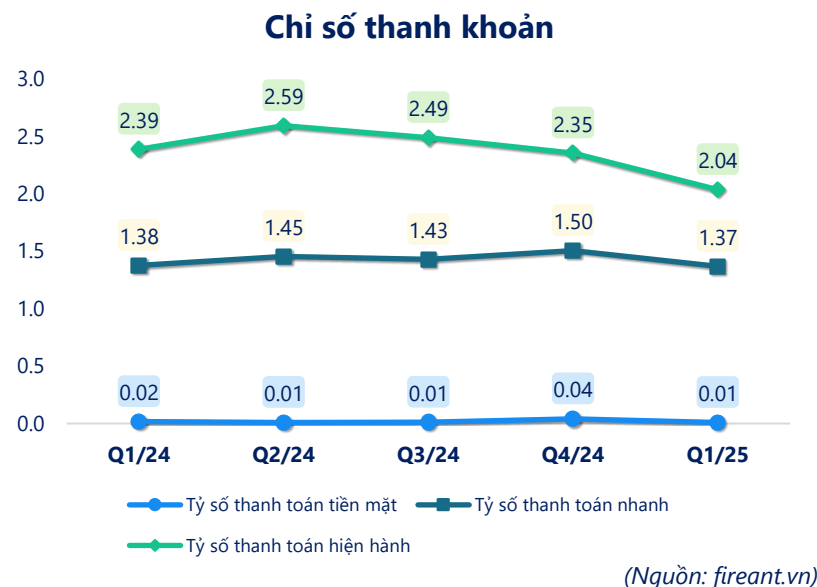
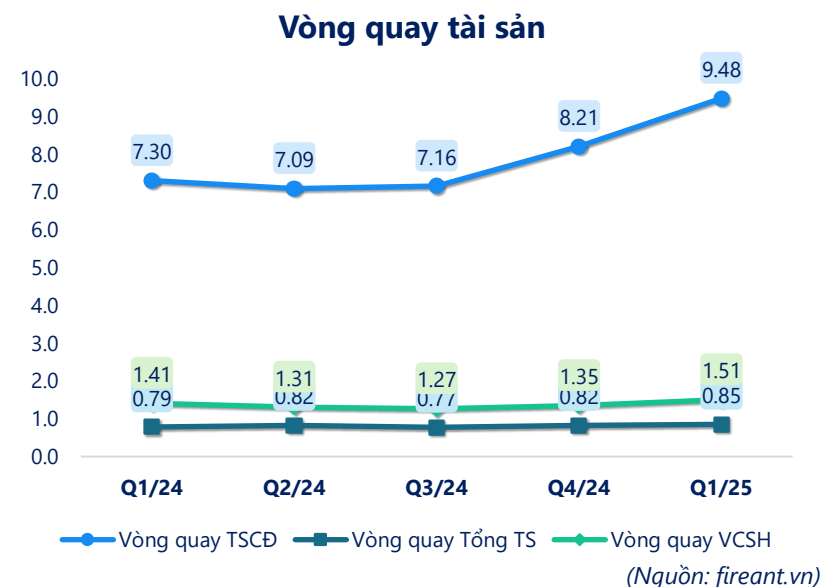
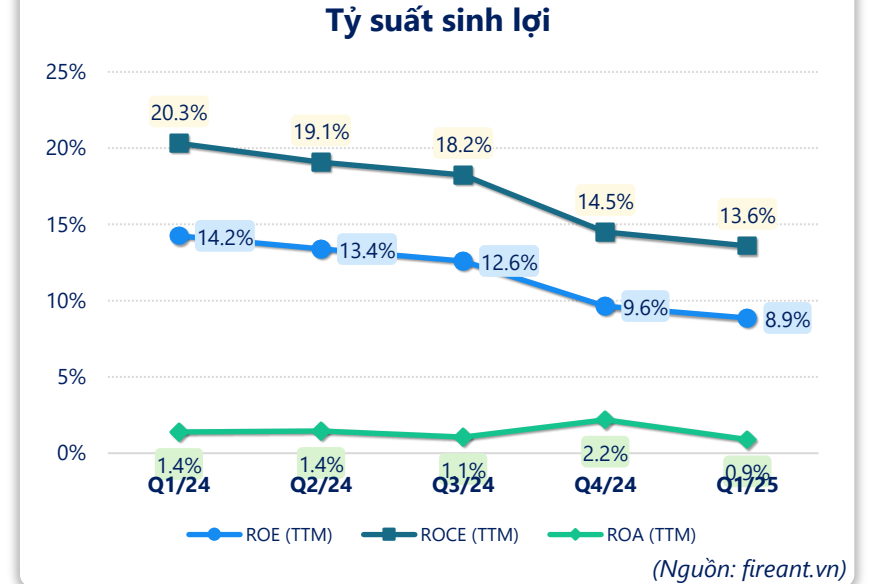
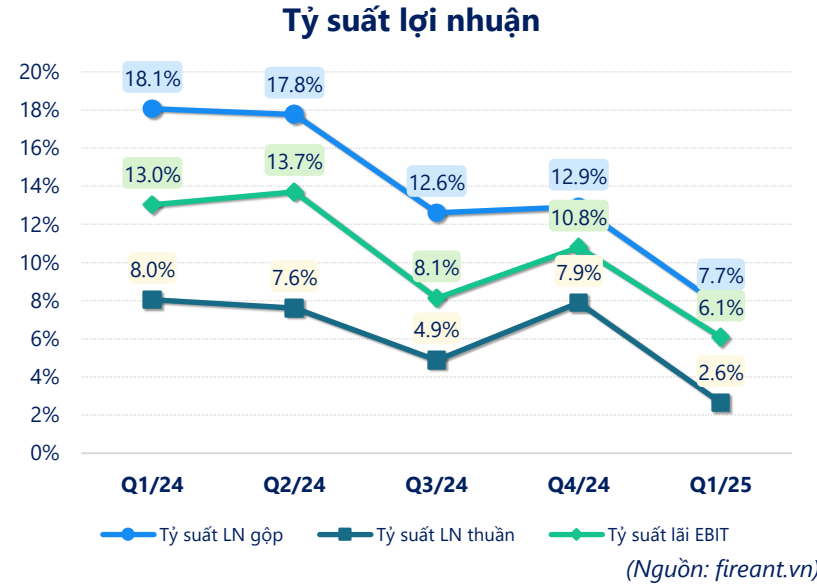
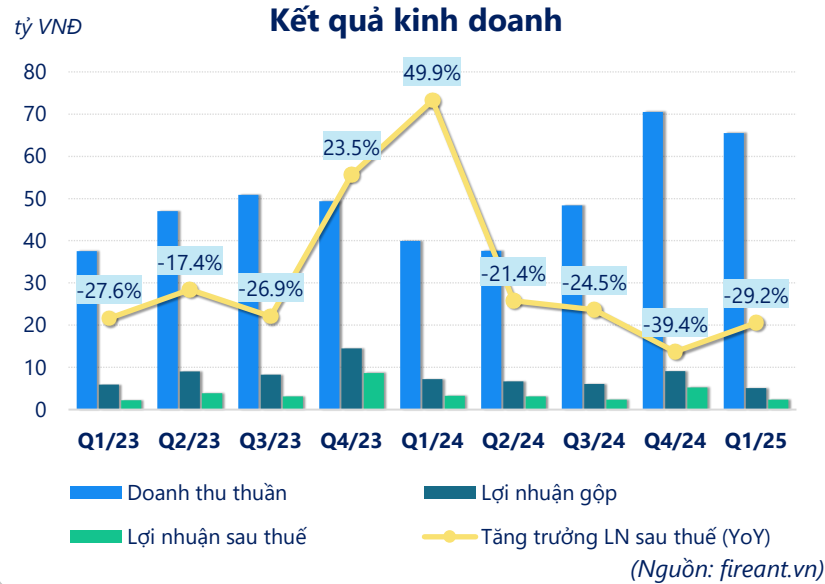


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,300
SL cổ phiếu LH		11,502,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,665
% sở hữu nước ngoài		1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		104
P/E		7.9
EPS		1,137

	YTD	1T	3T	6T
SHE	0.0%	-3.2%	-1.1%	-8.2%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	286	253	13.0%
Tài sản ngắn hạn	262	229	14.6%
Tiền và tương đương tiền	1.11	3.96	-71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.18	8.18	0.0%
Phải thu ngắn hạn	167	133	25.3%
Hàng tồn kho	86.0	83.5	3.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.16	136%
Tài sản dài hạn	23.4	24.0	-2.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.5	23.0	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.86	0.98	-12.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	133	102	30.0%
Nợ ngắn hạn	129	98.3	31.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	64.4	63.8	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.8	27.0	121%
Nợ dài hạn	3.86	3.86	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.95	2.95	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	153	151	1.6%
Vốn chủ sở hữu	153	151	1.6%
Vốn điều lệ	115	115	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	39.9	37.6	48.4	70.5	65.5
Giá vốn hàng bán	32.7	30.9	42.3	61.4	60.5
Lợi nhuận gộp	7.21	6.67	6.10	9.12	5.05
Doanh thu HĐTC	0.06	0.11	0.05	0.02	0.02
Chi phí TC	1.08	1.39	0.89	1.09	1.05
Chi phí lãi vay	1.07	1.24	0.89	1.06	1.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.96	0.84	0.81	0.71	0.45
Chi phí QLDN	2.03	1.69	2.09	1.78	1.84
LN thuần từ HĐKD	3.21	2.86	2.36	5.56	1.73
Lợi nhuận khác	0.92	1.05	0.68	0.98	1.20
LN trước thuế	4.13	3.91	3.04	6.54	2.93
Lợi nhuận sau thuế	3.30	3.13	2.38	5.23	2.34
LNST của CĐ cty mẹ	3.30	3.13	2.38	5.23	2.34

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-17.1	8.08	3.95	-2.53	-3.49
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.00	1.39	-1.20	-3.07	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	17.6	-10.1	-2.58	8.64	0.64
Tiền đầu kỳ	1.96	1.40	0.75	0.92	3.96
Lưu chuyển tiền thuần	-0.56	-0.65	0.17	3.04	-2.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.40	0.75	0.92	3.96	1.11

(Nguồn: fireant.vn)